

# “Thái Bình Thiên Quốc” và những quan điểm bảo tồn - phát huy

TS. PHẠM QUỐC QUÂN\*

**T**áng 9 năm 2008, khi sang Quảng Tây duyệt nội dung cuốn sách “Con đường tơ lụa trên biển” - công trình hợp tác giữa Bảo tàng Lịch sử Việt Nam với Bảo tàng và Viện Khảo cổ học Quảng Tây, đồng thời băn khoé một cuộc trưng bày về những đồ gốm khai quật được trong các con tàu cổ ở Việt Nam, khai mạc vào tháng 10/2008, nhân cuộc gặp gỡ thượng đỉnh giữa Trung Quốc và các quốc gia ASEAN, tôi được bạn mời đến xem một di tích, mà khi còn là sinh viên, được các thầy giới thiệu, gây xúc động và ấn tượng suốt cả những năm tháng sau này, đó là cuộc khởi nghĩa nông dân vào thời mạt Thanh, làm rung chuyển triều đình phong kiến, làm chủ 18 tỉnh, thành phố phía Nam Trung Quốc gần 14 năm<sup>1</sup> và sự kiện đã đi vào trước tác của C.Mac và F.Angghen, Mao Trạch Đông như là một dẫn liệu về ý thức hệ nông dân, khiến cho cuộc khởi nghĩa ấy lại quay về mô hình quân chủ phuong Đông, để rồi thất bại, tàn lụi. Đó chính là phong trào Thái Bình Thiên Quốc, mang nặng màu sắc tôn giáo mà có lẽ, không ít người dân Việt Nam đều biết qua bộ phim truyền hình nhiều tập, được các nhà sản xuất Trung Quốc thể hiện khá quy mô, hoành tráng, sát thực với lịch sử, bởi sự kiện diễn ra trong thời cận đại và bộ phim được dựng đúng địa danh- nơi diễn ra cuộc khởi

nghĩa. Với người Trung Quốc, Thái Bình Thiên Quốc như một tượng đài trong lịch sử 4000 ngăm của dân tộc này, theo đó, di tích đã được chính quyền và nhân dân ứng xử khá công bằng và trọng vẹn, nhưng nó đang bị nền kinh tế thị trường xô đẩy, làm cho những nhà quản lý di sản lúng túng với những quan điểm và giải pháp chưa thật đồng nhất. Hiện tượng trên đây khá giống với một số di tích, đặc biệt là di tích cách mạng và kháng chiến của Việt Nam, khiến cho tôi cần viết bài này, như một kinh nghiệm để chúng ta tham chiếu, may chăng tránh được những lỗi lầm nhiều mặt mà trong hữu thức, không người nào có tâm huyết với di sản văn hóa lại muốn phạm vào.

## I- Đôi nét về di tích Thái Bình Thiên Quốc

“Thái Bình Thiên Quốc” nằm ở huyện Quế Bình, cách huyện lỵ khoảng 20km và cách thủ phủ Quảng Tây khoảng 300km về phía Đông-Nam. Đây là di tích cấp quốc gia, theo đó, được nhà nước Trung ương và địa phương đặc biệt quan tâm. Chúng cứ là cơ sở hạ tầng đã, đang được đầu tư, bao gồm: đường xá, tượng đài, môi trường, cảnh quan, các công trình phù trợ... Mặc dù vậy, dường như kinh phí đầu tư ấy vẫn như “muối bỏ bể”, do nó không được xã hội hoá như những công trình tôn giáo.

Di tích nằm trên một khu đồi có tên là đồi Tê Giác, là đại bản doanh của bộ chỉ huy, còn nghĩa quân lại nằm rải rác trong các nhà dân tại

\* BẢO TÀNG LỊCH SỬ VIỆT NAM

các xóm làng bao quanh khu đồi ấy. Nói là đại bản doanh, nhưng hiện nay chỉ còn là một thành đất hình chữ nhật, rộng khoảng 2000m<sup>2</sup>. Thành chỉ cao khoảng 2m, có hai cửa, một lối xuống bờ gạch- vết tích của Quốc dân Đảng thời Tưởng Giới Thạch sử dụng lại nơi đây làm trụ sở. Lối này đi xuống đầm Tê Giác, thời Thái Bình Thiên Quốc là nơi cất giấu vũ khí của nghĩa quân, quãng thời gian rèn đúc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Đầm Tê Giác ngày nay chỉ còn lại như một cái ao bán nguyệt; do đất lấp bồi, nên ngành Di sản đang cho xây bờ vỉa tránh sự bồi lấp này. Giữa thành đất là một cột đá, không định hình, nhô cao khỏi mặt đất 60cm, tương truyền là đá tế cờ. Quân khởi nghĩa ăn thè khi xuất quân. Cờ của Thái Bình được thể hiện ba chòm sao trắng trên nền đen (Tam tinh). Sau này, khi đã thành lập chính quyền ở Nam Kinh, cờ chuyển thành màu vàng, tượng trưng cho Vương quyền.

Đó là tất cả những gì thuộc về di tích gốc. Thế nhưng, với tầm nhìn xa, các nhà hoạch định đã quy hoạch vòng 1 của di tích này khoảng 12ha. Quy hoạch vòng 2, bao gồm cả những làng bản có liên quan tới cuộc khởi nghĩa lên tới vài ba chục ha. Chính vì thế, khi chúng tôi đến nơi đây, dường như cảnh quan còn khá nguyên sơ, dù Quảng Tây đang là tỉnh có nền kinh tế phát triển năng động.

Trên diện tích 12ha ấy, là bạt ngàn thông, số ít còn lại từ thời Thái Bình Thiên Quốc, đa phần là được trồng mới. Trên diện tích này, chỉ có một tượng đài lãnh tụ cuộc khởi nghĩa và một nhà trưng bày bổ sung. Nhà trưng bày xuống cấp trầm trọng về nội thất, dù công trình kiến trúc bằng đá khá kiên cố, được xây dựng vào thập kỷ 60. Trưng bày đa phần là tranh, ảnh và hiện vật phục chế, không thuyết phục người xem ngay cả khi chưa xuống cấp. Bổ xung cho ngôi nhà này là một phòng khách đơn sơ, một phòng chiếu phim nghèo nàn, hai ngôi nhà gỗ mô phỏng những doanh trại của đoàn làm phim Thái Bình Thiên Quốc, trưng bày quần áo của một số dân tộc từng tham gia khởi nghĩa:

Tất cả Ban quản lý chỉ có 3 người, họ kiêm luôn việc làm vệ sinh, bảo vệ và hướng dẫn khách tham quan, kiểm lâm... Dân ở đây

nghiêm chỉnh, như ở ta, có lẽ rừng thông đã bị phá từ lâu rồi. Chính điều này, cùng với cơ chế, đã tạo nên sự thống nhất quản lý di tích ở Trung Quốc, không như ở ta, rừng do kiểm lâm phụ trách, di tích do bảo tồn - bảo tàng đảm nhiệm, khiến có nhiều sự xung đột, ảnh hưởng lớn đến bảo tồn và phát triển.

Bạn Trung Quốc nói với tôi rằng, trước năm 1960, di tích Thái Bình Thiên Quốc có tới hàng vạn người đến tham quan mỗi ngày. Họ là những học sinh, sinh viên, công nhân các nhà máy, công trường,... Những đoàn viếng thăm như vậy dường như bắt buộc, để học tập, để ôn lại truyền thống, bởi sau khởi nghĩa Lý Tự Thành thời nhà Minh, thì khởi nghĩa Dương Tú Thanh được xem là những tượng đài trong lịch sử Trung Quốc về khởi nghĩa nông dân. Sau khi Trung Quốc mở cửa, với chính sách kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, di tích này vắng tanh, không có nhiều khách đến tham quan. Đó là một thực tế đau lòng với một Trung Quốc đông dân và đang lấy công nghiệp di sản cho định hướng phát triển kinh tế của mình, khiến chúng ta, không khỏi băn khoăn về một số di tích ở Việt Nam có tình trạng tương tự mà vẫn chưa tìm ra lời giải. Trung Quốc coi đây là một hiện tượng bình thường, theo đó, ngành Di sản văn hóa vẫn đầu tư cơ sở hạ tầng, quy hoạch lớn, bảo vệ nghiêm, dù còn ít thiết bị và trưng bày xuống cấp. Đó là cách nhìn cho lâu dài khi mà hiện tại di tích chưa có đủ điều kiện phát huy.

## II- Những quan điểm khác nhau nhằm phát huy di tích

Sau bộ phim Thái Bình Thiên Quốc được dàn dựng ngay tại khu di tích, người Trung Quốc nghĩ rằng, nó sẽ giống như phim Hồng Lâu Mộng, tạo nên một điểm đến cho du khách, theo đó, những người làm phim kêu gọi ngành Di sản văn hóa đầu tư những cung phủ, lều trại, bãi luyện quân, xưởng rèn đúc vũ khí... với vật liệu kiên cố để sau khi phim hoàn thành, những công trình đó sẽ phục vụ khách tham quan. Thế nhưng, không hiểu vì lý do tài chính hay lo hậu quả cho tương lai, khiến cho chính quyền Quảng Tây không có ý định đầu tư. Trước tình hình ấy, tất cả các trường cảnh hay

tiểu cảnh của phim đều dựng bằng những vật liệu tạm. Sau vài năm đều mục nát. Mặc dù vậy, trong vài năm ấy, khách các nơi đến tham quan tương đối đông. Khi chúng tôi đến, năm 2008, dường như không còn gì những cảnh như trong phim, chỉ đây đó còn những mảnh súng thần công đúc bằng nhựa nằm rải trên mặt cỏ rừng thông. Khách lại vắng tanh, dù bậc lên xuống bó vỉa bằng gạch, bị mòn vẹt, mà người hướng dẫn bảo rằng tàn tích của thời hoàng kim khi một ngày có tới hàng vạn người viếng thăm.

Sau câu chuyện làm phim, có một công ty du lịch đầu tư vào đây một số nhà hàng bằng vật liệu nhẹ. Điểm xuyết trong rừng thông bạt ngàn là hàng ăn, nhà nghỉ dưỡng, điểm hát karaoke... dường như là một điểm đến lý tưởng cho khách du lịch sinh thái. Hoạt động được ít tháng, Cục Di sản văn hóa Trung Quốc và Quảng Tây định chỉ với hai lý do: Một là, sự san bát mặt bằng làm ảnh hưởng tới cảnh quan và biến dạng quả đồi vốn là di tích gốc của khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc; hai là, hoạt động thương mại trong di tích chưa thực sự văn hóa, làm mất đi vẻ tôn nghiêm cho một biểu tượng được nhiều thế hệ tôn thờ.

Quyết định này gây không ít tranh cãi trong giới bảo tồn- bảo tàng. Có quan điểm cho rằng, cần phải uốn nắn để di tích lồng trong các hoạt động vui chơi, giải trí, tạo nên sự đa dạng, mà những di tích ở Trung Quốc không thiếu gì sự lồng ghép này. Còn một quan điểm khác, thô thiển hơn, cho rằng, những hoạt động kinh tế trong các di tích sẽ làm sống lại di tích mà không hề ảnh hưởng tới sự thâm nghiêm hay cảnh quan môi trường. Họ chứng minh bằng hàng loạt các di tích, bảo tàng, ví như Bảo tàng Quảng Tây, nằm giữa trung tâm thành phố Nam Ninh, có bốn mặt đường chính, thì tất cả những phòng ở tầng một đều cho thuê nào là áo cưới, ảnh viện, cửa hàng đồ cổ, đồ gốm sứ, đồ gỗ,... Ngay trong khuôn viên, hai nhà hàng ăn rất lớn, một là sang trọng dành cho tầng lớp trên, một là trung bình dành cho thường dân. Sự náo nhiệt ở bảo tàng này về nhà hàng đã tạo nên điểm đến cho khách, theo đó, họ vào tham quan bảo tàng đông hơn. Mẫu hình này không chỉ ở Nam Ninh, mà có ở hầu hết các

thành phố lớn Trung Quốc. Những người ủng hộ cho quan điểm này còn lấy cả các bảo tàng phương Tây để chứng minh. Họ coi đó như là một mô hình tốt cho sự kết hợp giữa du lịch và bảo tàng. Họ quan niệm làm như thế mới có thể cải bỏ được sự trì trệ và ỷ lại do ngân sách nhà nước, khi mà di tích và bảo tàng Trung Quốc không bán vé vào cửa cho khách tham quan bắt đầu từ năm 2008. Quả thật, những hoạt động như thế đã tạo cho các di tích và bảo tàng có thêm nguồn thu, lương cán bộ khá cao, bảo tàng có quyền hạn hơn trong hợp tác nghiên cứu, trưng bày, một khi không lệ thuộc vào ngân sách nhà nước cấp. Khách ra, vào bảo tàng đông hơn và lưu lại bảo tàng, di tích nhiều thời gian hơn, khi những điểm tham quan này đáp ứng được nhu cầu thiết thực, đa dạng của khách.

Mặc dù những dẫn liệu tỏ ra có cơ sở, nhưng di tích Thái Bình Thiên Quốc vẫn không được chấp nhận và, cho đến nay, nó vẫn không có những hoạt động kinh tế, không có nguồn thu, không nhiều khách đến tham quan. Đó là thách đố của ngành di sản với số đông các ý kiến phê phán và phản đối.

### III- Bài học cho các di tích, bảo tàng Việt Nam

Từ Thái Bình Thiên Quốc, ta thấy có một thực tế rằng, không phải tất cả các di tích, bảo tàng ở Trung Quốc đều đông khách đến tham quan như Khổng miếu, Thái Sơn, Bảo tàng thủ đô Bắc Kinh hay thành phố Thượng Hải... Đó là một hiện tượng đương nhiên, không chỉ với Trung Quốc, mà hầu hết các quốc gia, khi nơi ấy không có lợi thế về địa điểm và tính chất của di tích- bảo tàng kén chọn khách do chúng mang nặng chất bác học, hàn lâm. Vậy nên, chúng ta đừng quá hốt hoảng trước thực trạng này để rồi có những ứng xử chưa thật chín chắn, khiến khó bề khắc phục.

Quảng trường Đông A (Nam Định), Thành cổ Quảng Trị là những ví dụ khiến chúng ta phải cân nhắc. Dự án định hoành tráng hóa khu vực đền Trần và tháp Phổ Minh bằng những công trình mới, chủ yếu bằng bê tông, sẽ làm mất đi cảnh quan môi trường vốn linh thiêng và đậm chất Việt Nam nơi đây và hai di tích gốc

nói trên chỉ còn là những công trình lụp xụp, lép về về quy mô, đem lại một sự phản cảm ghê gớm cho du khách. Đó là chưa nói tới một quảng trường- biểu trưng cho kiến trúc đô thị đứng bên cạnh một phức hợp đền - chùa - tháp biểu trưng cho mẫu thức làng Việt truyền thống. Phải chăng sự mất cân đối này như là một thách thức, một căn nguyên của tính thiếu bền vững trong phát huy các di tích ở Việt Nam?

Thành cổ Quảng Trị vốn là một ngôi thành còn khá nguyên vẹn thời Nguyễn. Nếu tôi không lầm, thì đây là ngôi thành thứ ba, sau Huế và Sơn Tây, có được một tình trạng tương đối tốt. Nhưng, cũng chính tại đây, diễn ra sự kiện 72 ngày đêm quân dân ta cố thủ bảo vệ mảnh đất này trước bom đạn của Mỹ- Nguyễn năm 1972. Vậy nên, dự án Thành cổ Quảng Trị định cắm vào đây những cụm tượng thể hiện sự kiện 72 ngày đêm ấy- lẽ đương nhiên, đó là những sự kiện điển hình, nhưng dường như nó đã chiếm hầu hết không gian bên trong thành. Hai công trình kiến trúc, gồm Đài kỷ niệm và Nhà bảo tàng, cùng nằm trong khuôn viên và lẽ đương nhiên, thành cổ vốn có hai giá trị nổi bật: Di tích lịch sử kiến trúc và Di tích lịch sử cách mạng sẽ không được đổi xử công bằng. Đó là chưa kể những cụm tượng sẽ được thể hiện không nói được nhiều về một sự kiện lẫy lừng, đi sâu vào tâm khảm của mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là những cựu chiến binh của cả hai bên chiến tuyến.

Còn rất nhiều những ví dụ khác nữa về quy hoạch. Dường như chúng ta quá bức xúc về quỹ đất hay do tầm nhìn chưa tới, nên khá nhiều di tích quy hoạch còn nhỏ hẹp. Ví như chùa Côn Sơn, cảnh quan thiên nhiên đẹp như thế, nay có một vài khách sạn mini xanh, đỏ mọc lên, gây nhức nhối cho khách hành hương. Chính điều này khiến chính quyền, Ban quản lý di tích Côn Sơn và ngành Di sản phải quy hoạch lại. Đó là chủ quan, còn khách quan là việc vi phạm, lấn chiếm diễn ra từ rất lâu, nay không thể giải tỏa nổi- một hiện tượng dường như chưa hề thấy trong các di tích danh thắng của Trung Quốc mà tôi được biết.

Đưa ra một vài hiện tượng trong bộn bề những hiện tượng nhức nhối tại các di tích,

danh thắng của Việt Nam, chúng tôi muốn chọn lựa những điểm có liên quan tới di tích Thái Bình Thiên Quốc để thấy rằng, ngành Di sản Trung Quốc rất kỹ càng cân nhắc trong việc đầu tư những hạng mục vào di tích, cho dù lợi ích kinh tế đã nhìn thấy. Những di tích còn vắng khách, họ chưa vội vã để tìm biện pháp thu hút, một khi chưa có ý tưởng tốt, thiếu tính bền vững. Quy hoạch di tích Thái Bình Thiên Quốc là rất lớn, dù hiện tại, nó không cần đến như thế. Hắn đó là tầm nhìn cho một tương lai khá xa.

Để có được những quyết định trước sức ép của nhiều quan điểm khác nhau như thế, ngành di sản và những chuyên gia hàng đầu của họ phải có bản lĩnh, phải tâm huyết và nhất quán mới có thể đương đầu với thực tế, mà theo họ, nhiều khi cũng phải trả giá với các thế lực mạnh về tiền bạc. Ngoài ra, điều quan trọng, những người quản lý trực tiếp các di tích đã không "tặc lưỡi" với tất cả những dự án, theo kiểu "tư duy nhiệm kỳ" đang ngự trị trong mỗi con người.

Bài học "Thái Bình Thiên Quốc" có lẽ còn rất ít ỏi, song chắc chắn giúp ích nhiều cho các nhà quản lý di sản văn hóa ở Việt Nam./.

P.Q.Q

### Chú thích:

- 1- Cuộc khởi nghĩa do Hồng Tú Toàn làm lãnh tụ, bắt đầu từ 1851, kết thúc vào năm 1865. Sau khi tụ quân ở Kim Điền, nghĩa quân tiến tới Vĩnh An và tuyên bố thành lập chính quyền do Tiêu Triệu Quý làm Tây Vương, Dương Tú Thanh là Đông Vương, Thạch Đại Khai làm Dực Vương. Tháng 3 - 1853, cuộc khởi nghĩa đã giành được Nam Kinh và lấy đó làm thủ đô. Chính quyền này có nhiều chính sách mới mẻ về ruộng đất, về thương nghiệp, thủ công nghiệp và nhiều chính sách xã hội khác như: cấm hút thuốc phiện, tuyển dụng nhân tài, bình đẳng nam nữ... Tuy nhiên, do ý thức hệ nông dân, cuối cùng chính quyền Nam Kinh cũng sụp đổ mà nguyên nhân chủ yếu là quay về với mô hình phong kiến, chia rẽ bè phái và xa rời dân chúng (Xem Vũ Dương Ninh - Nguyễn Văn Hồng "Lịch sử Thế giới cận đại" - Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998. Tr 329-342).